

**BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TCN22B
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023**

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)	Tin học(2)	Chẩn đoán và bệnh nội khoa(3)	Dinh dưỡng và thức ăn(3)	Pháp luật(1)	Giáo dục Chính trị(2)	Pháp luật chuyên ngành CNTY(2)	Chẩn nuôi gia cầm(2)	Điểm TB	Xếp loại
1	2256201201478	Châu Chí Bình	05/10/2007	6.6	9.6	6.9	9.1	9.0	9.0	6.6	8.8	8.3	Giỏi
2	2256201201479	Phạm Quốc Duy	10/10/2007	2.9	0.0	0.0	2.4	0.0	0.0	0.0	2.5	0.8	Yếu
3	2256201201480	Nguyễn Tấn Đạt	18/07/1996	8.1	9.4	8.0	8.9	9.2	9.2	8.3	9.1	8.8	Giỏi
4	2256201201481	Trần Thành Đạt	05/07/2005	7.6	9.4	7.8	7.2	7.5	6.6	8.6	8.5	7.9	Khá
5	2256201201483	Lương Anh Kiệt	09/09/2007	6.9	8.9	7.9	7.2	8.6	8.4	6.5	7.8	7.8	Khá
6	2256201201484	Trần Trịnh Quốc Kỳ	02/07/2007	6.3	8.9	8.4	5.4	8.2	8.4	6.3	9.1	7.7	Khá
7	2256201201485	Nguyễn Thành Lợi	05/07/2001	6.1	9.5	9.2	9.6	9.9	10.0	9.1	9.2	9.5	Xuất sắc
8	2256201201486	Trần Yên Nhi	20/09/2004	8.8	9.6	9.1	9.7	9.7	9.9	9.2	9.0	9.4	Xuất sắc
9	2256201201490	Lê Anh Thư	31/01/2007	6.6	8.7	5.5	6.5	6.5	6.3	6.9	7.8	6.8	Trung bình
10	2256201201492	Trần Minh Trí	12/04/2007	6.9	8.6	7.1	8.3	7.0	8.4	7.3	7.6	7.8	Khá
11	2256201201494	Lê Thị Đông	20/08/1992	8.5	9.6	8.6	9.2	9.4	8.8	9.1	9.0	9.1	Xuất sắc
12	2256201201495	Võ Hải Khoa	09/09/2007	7.0	7.8	6.2	6.4	8.3	7.7	5.9	8.0	7.0	Khá
13	2256201201496	Cao Chánh Thông	21/08/2007	5.9	9.2	8.1	5.2	8.7	8.0	8.0	7.2	7.6	Khá
14	2256201201497	Nguyễn Chấn Hưng	04/09/1998	M	M	M	M	M	M	8.8	M	8.8	Giỏi
15	2256201201498	Nguyễn Văn Sang	22/05/2007	6.1	8.1	8.1	6.1	9.3	9.1	7.3	8.3	7.8	Khá

Lưu ý: Môn học **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 18 tháng 07 năm 2023
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái

